

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **15/2024/HCPT**

Ngày: 26/9/2024

V/v: *Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Hoàng Phúc**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Văn Thành**

Bà **Mai Vân Anh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Tuyết Nhung**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà **Nguyễn Thị Kim Thanh** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06/9/2024 và ngày 26/9/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 19/2023/TLPT-HC ngày 09/10/2023 về việc Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai do Bản án số 01/2023/HC-ST ngày 18/5/2023 của Tòa án nhân dân quận H bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2024/QĐXX-PT ngày 02/8/2024, Quyết định đưa vụ án ra xét xử sửa đổi bổ sung số 35/2024/QĐXX-PT ngày 14/8/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2024/QĐ-PT ngày 20/8/2024, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 50/2024/QĐ-PT ngày 06/9/2024, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông **Nguyễn Đình H** sinh năm 1972; địa chỉ: Số D ngõ B M, quận H, thành phố Hà Nội; điện thoại 0346162205. (Có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Bà **Bạch Tuyết H1**, địa chỉ: Công ty L2; số A T, phường T, quận H, thành phố Hà Nội (Vắng mặt có đơn)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:

1. Ông **Triệu Xuân T** sinh năm 1959; điện thoại 0913042070 (Có mặt)

2. Chị **Triệu Thị L** sinh năm 1991; điện thoại 0966008732 (Có mặt)

Cùng là luật sư Công ty L2; địa chỉ: Số A T, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

3. Ông **Nguyễn Văn A** sinh năm 1970; Luật sư Văn phòng L3; địa chỉ: Số A ngõ H H, phường Ô, quận Đ, thành phố Hà Nội; điện thoại 0985263838 (Có mặt)

Người bị kiện:

1. **Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận H**
2. **Ủy ban nhân dân quận H**

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện:

1. Ông **Nguyễn Minh T1**, Chủ tịch; là người đại diện theo pháp luật của UBND quận H (Vắng mặt có ủy quyền).
2. Ông **Đàm Tiến T2**, Phó Chủ tịch; là người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch và UBND quận H (giấy ủy quyền 3205 ngày 30/11/2023, vắng mặt có đơn)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

1. Bà **Nguyễn Thị Hoàng T3**, Trưởng Phòng T5; là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch và UBND quận H (Văn bản 2540 ngày 14/8/2024, vắng mặt).
2. Ông **Trần Huy H2**, Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất; là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch và UBND quận H (Văn bản 2540 ngày 14/8/2024, vắng mặt).
3. Ông **Vũ Thế K**, Phó Giám đốc Ban Q; là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch và UBND quận H (Văn bản 2540 ngày 14/8/2024, vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. **Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội**
2. **Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội**
3. **Ủy ban nhân dân phường M, quận H**
4. Bà **Triệu Thị M** sinh năm 1940; địa chỉ: Số D ngõ B M, quận H, thành phố Hà Nội; số điện thoại 0966008732 (Có mặt)
5. Bà **Ngô Thị Thủy S** năm 1985; điện thoại 0385803567 (Vắng mặt)
6. Chị **Nguyễn Thu H3** sinh năm 2004; điện thoại 0328296159 (Vắng mặt)
7. Cháu **Nguyễn Hà L1** sinh năm 2008 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số D ngõ B M, quận H, thành phố Hà Nội

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Trần Sỹ T4**, Chủ tịch; là người đại diện theo pháp luật của UBND thành phố H. (Vắng mặt có ủy quyền).

2. Ông **Nguyễn Trọng Đ**, Phó Chủ tịch; là người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch và UBND thành phố H (Giấy ủy quyền số 302 ngày 12/8/2024, vắng mặt có đơn)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Ngày 10/11/2006, UBND thành phố H có **Quyết định 5058/QĐ-UBND** thu hồi 3.494m² đất tại phường M là đất nông nghiệp “Khoán 10” do UBND phường quản lý, một số hộ dân sử dụng xây dựng nhà cấp 4 làm cửa hàng, dịch vụ, nhà ở; giao Ban quản lý dự án quận H để xây dựng Trụ sở UBND phường M theo Dự án đầu tư được UBND quận H phê duyệt tại Quyết định 1582/QĐ-UBND ngày 07/10/2005 (BL24).

Ngày 05/11/2008, UBND quận H ban hành **Quyết định 1259/QĐ-UBND** về việc tạm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với 20 hộ gia đình và 2 tổ chức để GPMB Dự án đầu tư xây dựng Trụ sở UBND phường M kèm Bảng tổng hợp phương án số 22/PATH-GPMB ngày 02/10/2008 (BL282, 290, 891), trong đó: Hộ gia đình ông Nguyễn Đình H đang sử dụng 113,94m² do lấn chiếm của HTX M2 bị thu hồi toàn bộ, được bồi thường về cây trồng, hoa màu là 165.000đ; được hỗ trợ về công trình, vật kiến trúc là 52.900.127đ; tổng số tiền được bồi thường, hỗ trợ là 53.065.157đ.

Không đồng ý về phương án bồi thường, ông H khiếu nại. Ngày 8/9/2011, UBND quận H ban hành **Quyết định 9143/QĐ-UBND** giải quyết khiếu nại lần đầu (BL 261, 687, 928) đã quyết định việc thực hiện chính sách bồi thường, hỗ trợ khi tiến hành GPMB đối với hộ gia đình ông H cơ bản là đúng quy định tại Nghị định 197/2004/NĐ-CP, Nghị định 17/2006/NĐ-CP, Nghị định 84/2007/NĐ-CP, Quyết định 18/2008/QĐ-UBND ngày 29/9/2008 của UBND thành phố H về bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất; căn cứ phê duyệt của UBND thành phố tại Văn bản 10398/UBND-TNMT ngày 20/12/2010, UBND quận giao Ban bồi thường GPMB tham mưu xây dựng phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ ông H theo hướng: Bán 01 căn hộ tái định cư và xem xét mức hỗ trợ công tôn tạo đất theo quy định hiện hành là 35.000đ/m² trình UBND quận phê duyệt.

Ông H tiếp tục khiếu nại. Ngày 8/5/2013, Chủ tịch UBND thành phố H ban hành **Quyết định 3009/QĐ-UBND** giải quyết khiếu nại lần hai (BL 240, 656, 806, 925) đã quyết định: Giao UBND quận H quyết định điều chỉnh phương án bồi thường hỗ trợ cho ông H theo chỉ đạo của UBND thành phố H tại Văn bản 1598/UBND-TNMT ngày 04/3/2013, cụ thể: Hỗ trợ bằng 30% giá đất ở cùng vị trí tại thời điểm phê duyệt phương án đối với diện tích 72,3m² đất sử dụng của HTX M2 năm 1992 đến năm 1996; Hỗ trợ bằng 20% giá đất ở cùng vị trí tại thời điểm phê duyệt phương án đối với diện tích 39,1m² đất sử dụng của HTX M2 sau năm 2000; Hỗ trợ công tôn tạo bằng 35.000/m² đối với

diện tích 2,54m² là đất lấn chiếm đất công (đường đi) sau năm 1996; Bán 01 căn hộ tái định cư theo quy định hiện hành.

Ngày 12/8/2013, UBND quận H ban hành **Quyết định 4133/QĐ-UBND** đính chính trích yếu và bổ sung một số nội dung của Quyết định 1259/QĐ-UBND ngày 05/11/2008.

Thực hiện Quyết định 3009/QĐ-UBND ngày 8/5/2013 của Chủ tịch UBND thành phố H về việc giải quyết khiếu nại lần hai, ngày 27/12/2013 UBND quận H ban hành **Quyết định 9088/QĐ-UBND** phê duyệt phương án bồi trợ và tái định cư bổ sung kèm Phương án số 3214/PATH-GPMB ngày 24/12/2013 BL18-19, 56, 268, 280, 903, 932) và Phương án bồi trợ đối với hộ ông H (BL 58) theo đó: Hộ gia đình ông Nguyễn Đình H có 3 nhân khẩu đang sử dụng 113,94m² bị thu hồi toàn bộ; trong đó 72,3m² sử dụng đất của HTX N năm 1992-1996 được hỗ trợ 30% đơn giá = 183.280.500đ; 39,1m² sử dụng đất của HTX M2 sau năm 2003 trước ngày 01/7/2004 được hỗ trợ 20% đơn giá = 66.079.000đ; 2,54m² lấn chiếm đất công (đường đi) sau năm 1996 được hỗ trợ 35.000đ/m² = 88.900đ; được bán 1 căn hộ; Tổng số tiền hộ ông H được bồi thường, hỗ trợ là 249.448.400đ.

Ngày 24/6/2015, UBND quận H ban hành **Quyết định 5149/QĐ-UBND** phê duyệt kết quả bắt thăm căn hộ tái định cư (BL155, 269, 929) theo đó, gia đình ông H được bán căn hộ 904 nhà A khu S, phường M có diện tích 70,93m².

Ngày 21/8/2015, UBND thành phố H có **Quyết định 4177/QĐ-UBND** về việc bán 05 căn hộ tái định cư trong đó có hộ gia đình ông H (BL37, 835)

Do gia đình ông H không tự nguyện bàn giao mặt bằng nên Chủ tịch UBND quận H ban hành **Quyết định 6507/QĐ-CTUBND** ngày 07/8/2015 về cưỡng chế thu hồi đất (BL29, 270, 811), **Quyết định 7831/QĐ-CTUBND** ngày 15/10/2015 về bổ sung tại Điều 1 Quyết định 6507/QĐ-CTUBND về thời gian thực hiện cưỡng chế và đã tổ chức cưỡng chế xong vào ngày 18/11/2015 (BL 896)

Tại **Đơn khởi kiện ngày 01/9/2015** (BL42), ông H có yêu cầu hủy **Quyết định 6507/QĐ-CTUBND** ngày 7/8/2015 của Chủ tịch UBND quận H về việc cưỡng chế thu hồi đất và yêu cầu Chủ tịch UBND quận H chấm dứt hành vi ban hành quyết định cưỡng chế khi chưa có quyết định thu hồi đất.

Sau khi Tòa án nhân dân quận H có thông báo thụ lý vụ án, ông H có **Đơn khởi kiện bổ sung ngày 03/12/2015** (BL45) với các yêu cầu bổ sung: Hủy **Quyết định 7831/QĐ-CTUBND** ngày 15/10/2015 của Chủ tịch UBND quận H cưỡng chế thu hồi đất bổ sung; Yêu cầu Chủ tịch UBND quận H chấm dứt hành vi ban hành quyết định cưỡng chế khi chưa có quyết định thu hồi đất; Hành vi của Chủ tịch UBND quận H tổ chức cưỡng chế thu hồi đất ngày 18/11/2015 khi chưa ban hành quyết định thu hồi đất là trái pháp luật; Buộc

Chủ tịch UBND quận H khôi phục lại hiện trạng; Kiến nghị Chủ tịch UBND thành phố H xem xét trách nhiệm của Chủ tịch UBND quận H.

Ngày 21/11/2018, ông H có Đơn khởi kiện bổ sung (BL611) yêu cầu xem xét giải quyết đối với: **Quyết định 5058/QĐ-UBND** ngày 10/11/2006 của UBND thành phố H về việc thu hồi 3.494m² đất của UBND phường M; **Quyết định 1259/QĐ-UBND** ngày 5/11/2008 của UBND quận H về việc tạm phê duyệt phương án bồi thường cho 20 hộ và 2 tổ chức có phương án tổng hợp kèm theo; **Quyết định 9088/QĐ-UBND** ngày 27/12/2013 của UBND quận H về việc phê duyệt phương án bồi trợ và tái định cư bổ sung kèm Phương án bổ sung ngày 24/12/2013; Quyết định của Sở quy hoạch kiến trúc về việc xây dựng Trạm y tế phường M, Quyết định của UBND quận H phê duyệt xây dựng Trạm y tế phường M.

Ngày 21/5/2020, ông H có Đơn khởi kiện bổ sung (BL1011) yêu cầu xem xét tính hợp pháp của **Quyết định 149/QĐ-UBND** ngày 11/4/1991 của UBND quận H về việc thu hồi 153m² đất nông nghiệp của gia đình ông Nguyễn Đình S1 giao cho HTX nông nghiệp quản lý; **Quyết định 4133/QĐ-UBND** ngày 12/8/2013 của UBND quận H đính chính trích yếu và bổ sung một số nội dung của Quyết định 1259/QĐ-UBND; Hành vi hành chính của Đoàn kiểm tra năm 2002 kiểm tra việc sử dụng đất của hộ gia đình bà M (vợ ông S1).

Tại Bản án số 01/2023/HC-ST ngày 18/5/2023, Tòa án nhân dân quận H đã xử: Bác yêu cầu khởi kiện của ông H đối với Quyết định 6507/QĐ-CTUBND ngày 7/8/2015 của Chủ tịch UBND quận H về việc cưỡng chế thu hồi đất; về hành vi ban hành quyết định cưỡng chế khi chưa có quyết định thu hồi đất; về yêu cầu Chủ tịch UBND quận H khôi phục lại nguyên trạng như trước khi tổ chức cưỡng chế; Bác các yêu cầu khác của ông H; ông H phải chịu 200.000đ án phí sơ thẩm.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ông Nguyễn Đình H và bà Triệu Thị M kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại cấp phúc thẩm: Ông H và các luật sư yêu cầu xem xét, thẩm định toàn bộ diện tích đất của gia đình bà M, ông S1 bị thu hồi trong đó có diện tích gia đình các anh chị em của ông H đã xét xử tại 05 vụ án trước đó và diện tích đất của ông H; thu thập và giám định sổ mục kê hiện đang lưu giữ tại UBND phường M có dấu hiệu tẩy xóa để viết lên dòng chữ “thôn M” tại mục người sử dụng đất.

Tại phiên tòa: Ông H, bà M và các luật sư cho rằng nay Dự án xây dựng UBND phường M đã hoàn thành, đã có tường bao thì xác định được diện tích của gia đình ông H nằm ngoài bức tường này. Như vậy, diện tích đất gia đình ông H không nằm trong dự án xây dựng UBND phường M mà thuộc dự án Trạm y tế phường M. Sổ mục kê năm 1960 là bản phô tô không có giá trị. Đất của gia đình không phải là khoán 10 mà là đất ở của gia đình. Gia đình ông H có yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời nhưng cấp sơ thẩm không áp

dụng. Ông H đề nghị đưa UBND thành phố H vào tham gia tố tụng để chuyển thẩm quyền giải quyết vụ án lên Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội nhưng không được chấp nhận. Do đó, đề nghị huỷ án sơ thẩm và khôi phục quyền lợi của gia đình ông H.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đề nghị Tòa án không chấp nhận kháng cáo của ông H, bà M; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H về việc huỷ các quyết định, hành vi hành chính và các yêu cầu khởi kiện khác. Sửa bản án sơ thẩm về tư cách tham gia tố tụng của đương sự và yêu cầu khởi kiện hành vi hành chính. Ông H, bà M không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ông Nguyễn Đình H, bà Triệu Thị M có mặt tại phiên tòa ngày 18/5/2023 nên Đơn kháng cáo ngày 18/5/2013 của ông H, bà M và Biên lai thu tiền tạm ứng án phí ngày 31/5/2023 của ông H là trong thời hạn quy định tại Điều 206, Điều 209 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[1.2] Theo quy định tại Khoản 5 Điều 1 Nghị quyết 104/2015/QH13 về thi hành Luật tố tụng hành chính do Quốc hội ban hành, đối với những khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính của UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp huyện đã được Tòa án nhân dân cấp huyện thụ lý giải quyết trước ngày 01/7/2016 thì Tòa án đã thụ lý tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không chuyển cho Tòa án nhân dân cấp tỉnh giải quyết.

Do đó, Tòa án nhân dân quận H thụ lý, giải quyết vụ án đã được thụ lý ngày 24/11/2015 là đúng thẩm quyền.

[1.3] Theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết 104/2015/QH13 về thi hành Luật tố tụng hành chính do Quốc hội ban hành, các vụ án hành chính phát sinh trước ngày 01/7/2016 thì áp dụng thời hiệu quy định tại Điều 104 của Luật tố tụng hành chính năm 2010.

Vụ án được thụ lý ngày 24/11/2015 nên áp dụng thời hiệu quy định tại Điều 104 của Luật tố tụng hành chính năm 2010. Bản án sơ thẩm áp dụng Điểm a Khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính 2015 là không đúng.

Đơn khởi kiện ngày 01/9/2015 của ông Nguyễn Đình H đối với Quyết định 6507/QĐ-CTUBND ngày 07/8/2015 của Chủ tịch UBND quận H về việc cưỡng chế thu hồi đất là trong thời hiệu khởi kiện quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 104 của Luật tố tụng hành chính 2010.

[1.4] Về yêu cầu khởi kiện ban đầu: Tại Đơn khởi kiện ngày 01/9/2015 (BL42), ông Nguyễn Đình H vừa khởi kiện yêu cầu huỷ Quyết định 6507/QĐ-CTUBND ngày 07/8/2015 của Chủ tịch UBND quận H về việc cưỡng chế thu

hồi đất; vừa khởi kiện hành vi của Chủ tịch UBND quận H trong việc ban hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất khi không có quyết định thu hồi đất. Thực chất yêu cầu khởi kiện hành vi ban hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất khi không có quyết định thu hồi đất chính là lý do cho yêu cầu khởi kiện hủy Quyết định 6507/QĐ-CTUBND ngày 07/8/2015 của Chủ tịch UBND quận H về việc cưỡng chế thu hồi đất; không phải là yêu cầu khởi kiện riêng biệt.

Trường hợp yêu cầu của ông H về việc UBND quận H không ban hành quyết định thu hồi đất đối với hộ gia đình ông thì đối tượng khởi kiện vụ án hành chính phải là hành vi hành chính UBND quận H thu hồi đất nhưng không ban hành quyết định thu hồi đất đối với hộ gia đình ông H chứ không phải là hành vi ban hành quyết định cưỡng chế khi không có quyết định thu hồi đất.

Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án (BL49) với yêu cầu khởi kiện “Hủy Quyết định 6507/QĐ-CTUBND ngày 07/8/2015 của Chủ tịch UBND quận H về việc cưỡng chế thu hồi đất” vừa có “Yêu cầu Chủ tịch UBND quận H chấm dứt hành vi hành chính trong việc ban hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất khi không có quyết định thu hồi đất của hộ gia đình cá nhân đang sử dụng đất theo quy định của pháp luật” là chưa đúng.

Do đó, xác định yêu cầu khởi kiện ban đầu của ông H thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính quy định tại Điều 3 Luật tổ tụng hành chính 2015 là yêu cầu đối với **Quyết định 6507/QĐ-CTUBND** ngày 07/8/2015 của Chủ tịch UBND quận H về việc cưỡng chế thu hồi đất và hành vi của UBND quận H về việc thu hồi đất không có quyết định thu hồi đất.

[1.5] Về yêu cầu khởi kiện bổ sung: Theo quy định của Khoản 2 Điều 56, Điểm d Khoản 3 Điều 191, Khoản 1 và các Điểm b, g, h Khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính năm 2015, người khởi kiện có quyền thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện, nếu thời hiệu khởi kiện vẫn còn; Hội đồng xét xử có thẩm quyền xem xét tính hợp pháp của quyết định hành chính, hành vi hành chính, quyết định giải quyết khiếu nại và văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; buộc cơ quan, tổ chức bồi thường thiệt hại, khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân bị xâm phạm do quyết định hành chính, hành vi hành chính trái pháp luật gây ra; kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, người đứng đầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét trách nhiệm của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền của cơ quan nhà nước.

Như vậy, trong quá trình xét xử, Hội đồng xét xử có thẩm quyền xem xét tính hợp pháp đối với tất cả các quyết định hành chính khác có liên quan đến quyết định hành chính bị khởi kiện mà không phụ thuộc vào việc các quyết định này còn hay hết thời hiệu khởi kiện, người khởi kiện có khởi kiện hay không.

Theo Khoản 1 Điều 173 Luật tổ tụng hành chính năm 2015, người khởi kiện có quyền có quyền thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện nếu không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu. Do đó xác định:

[1.5.1] Các yêu cầu của ông H tại Đơn khởi kiện bổ sung ngày 03/12/2015 (BL45), ngày 21/11/2018 (BL611), ngày 21/5/2020 (BL1011) không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu được chấp nhận xem xét giải quyết là đối với **Quyết định 1259/QĐ-UBND** ngày 5/11/2008 của UBND quận H tạm phê duyệt phương án bồi thường cho 20 hộ và 2 TC có phương án tổng hợp kèm theo; **Quyết định 4133/QĐ-UBND** ngày 12/8/2013 của UBND quận H đính chính trích yếu và bổ sung một số nội dung của Quyết định 1259/QĐ-UBND; **Quyết định 9088/QĐ-UBND** ngày 27/12/2013 của UBND quận H phê duyệt phương án bồi trợ và tái định cư bổ sung kèm Phương án bổ sung ngày 24/12/2013; **Quyết định 7831/QĐ-CTUBND** ngày 15/10/2015 của Chủ tịch UBND quận H cưỡng chế thu hồi đất bổ sung; Hành vi của Chủ tịch UBND quận H tổ chức cưỡng chế thu hồi đất ngày 18/11/2015 khi chưa ban hành quyết định thu hồi đất là trái pháp luật; Buộc Chủ tịch UBND quận H khôi phục quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình; Kiến nghị Chủ tịch UBND thành phố H xem xét trách nhiệm của Chủ tịch UBND quận H.

[1.5.2] **Quyết định 5058/QĐ-UBND** ngày 10/11/2006 của UBND thành phố H thu hồi 3.494m² đất của UBND phường M là quyết định hành chính quy định tại Khoản 1 Điều 3 Luật tổ tụng hành chính 2015 nhưng quyết định này không làm phát sinh, thay đổi, hạn chế, chấm dứt quyền, lợi ích hợp pháp của gia đình ông H; không có nội dung làm phát sinh nghĩa vụ, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của gia đình ông H nên không là quyết định hành chính bị kiện quy định tại Khoản 2 Điều 3 Luật tổ tụng hành chính 2015. Do đó, ông H không có quyền khởi kiện đối với quyết định này.

Tòa án cấp sơ thẩm không thụ lý yêu cầu khởi kiện bổ sung này của ông H là đúng.

[1.5.3] Đề nghị của ông H tại Đơn khởi kiện bổ sung ngày 21/11/2018 (BL611), ngày 21/5/2020 (BL1011) về việc xem xét tính hợp pháp đối với **Quyết định 149/QĐ-UBND** ngày 11/4/1991 của UBND quận H về việc thu hồi 153m² đất nông nghiệp của gia đình ông Nguyễn Đình S1 giao cho HTX N1 và hành vi hành chính của Đoàn kiểm tra năm 2002 kiểm tra việc sử dụng đất của hộ gia đình bà M (vợ ông S1), Quyết định của Sở quy hoạch kiến trúc về việc xây dựng Trạm y tế phường M, Quyết định của UBND quận H phê duyệt xây dựng Trạm y tế phường M; không phải là các quyết định/hành vi hành chính có liên quan đến các quyết định thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, cưỡng chế thu hồi đất ... đối với hộ gia đình ông H để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Trụ sở UBND phường M và là các yêu cầu vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên không được chấp nhận xem xét giải quyết trong vụ án này.

[1.6] Theo quy định tại Khoản 9 Điều 3 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, người bị kiện là cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyết định hành chính, hành vi hành chính bị khởi kiện. Quyết định hành chính bị kiện là quyết định cưỡng chế thu hồi đất của Chủ tịch UBND quận H và hành vi thu hồi đất không ban

hành quyết định thu hồi đất của UBND quận H nên người bị kiện trong vụ án được xác định là Chủ tịch và UBND quận H. Tòa án cấp sơ thẩm xác định UBND quận H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không chính xác.

[1.7] Cùng với việc nộp Đơn khởi kiện ngày 01/9/2015, ông H không có yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời tạm đình chỉ thi hành Quyết định 6507/QĐ-CTUBND. Việc cưỡng chế thi hành Quyết định 6507/QĐ-CTUBND đã được thực hiện xong vào ngày 18/11/2015 (BL896). Vụ án được thụ lý ngày 24/11/2015. Do đó, trường hợp sau khi thụ lý vụ án ông H mới có đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời thì không có căn cứ áp dụng.

Mặt khác, theo quy định của Điều 71 Luật đất đai năm 2013 và Khoản 6 Điều 17 Nghị định 43/CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, người có đất thu hồi, tổ chức, cá nhân có liên quan có quyền khiếu nại về việc thu hồi đất theo quy định của pháp luật về khiếu nại. Trong khi chưa có quyết định giải quyết khiếu nại thì vẫn phải tiếp tục thực hiện quyết định thu hồi đất, quyết định cưỡng chế thu hồi đất. Đối với trường hợp việc thu hồi đất có liên quan đến quyền và lợi ích của tổ chức, cá nhân khác trong việc sử dụng đất theo quy định của pháp luật khác có liên quan thì Nhà nước tiến hành thu hồi đất, cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất theo quy định mà không phải chờ cho đến khi giải quyết xong quyền và nghĩa vụ liên quan đến việc sử dụng đất giữa người có đất thu hồi và tổ chức, cá nhân đó theo quy định của pháp luật có liên quan.

Như vậy, trường hợp ông H có đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời về việc tạm dừng thi hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất trước khi Tòa án thụ lý vụ án thì Tòa án cấp sơ thẩm cũng không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông H.

[1.8] Toàn bộ diện tích đất gia đình bà M bao gồm cả diện tích đất đã chia cho các con đã được Công ty TNHH Đ1 lập Hồ sơ kỹ thuật thửa đất ngày 10/01/2007 để phục vụ công tác giải phóng mặt bằng, có chữ ký của bà M và xác nhận của UBND phường, Ban quản lý dự án, thể hiện tổng diện tích bà M đang sử dụng là 440,5m².

Diện tích đất ông H bị thu hồi đã bị cưỡng chế giải phóng mặt bằng ngày 18/11/2015 và đã được Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 09/8/2017.

Ngày 6/5/2020, ông H và bà M có đơn yêu cầu trưng cầu giám định đo vẽ toàn bộ khuôn viên của UBND phường M và Trạm y tế phường M theo các mốc giới tại Quyết định 5058/QĐ-UBND của UBND thành phố H (BL 989, 993) là không phù hợp quy định của pháp luật về giám định (không có giám định đo vẽ); vượt quá phạm vi giải quyết của vụ án (đo khuôn viên Trạm y tế phường M).

Tại Quyết định 5058/QĐ-UBND ngày 10/11/2006 của UBND thành phố H về việc thu hồi 3.494m² đất tại phường M giao Ban quản lý dự án quận H để

xây dựng Trụ sở UBND phường M (BL 998) đã thể hiện trong tổng số 3.494m² đất có 1.968m² đất để xây dựng công trình; 1.526m² đất tạm giao để quản lý và xây dựng đường vào, tuyệt đối không được xây dựng công trình (kể cả tường rào); khi thành phố thu hồi phải bàn giao lại.

Như vậy, cho dù trường hợp diện tích gia đình ông H nằm ngoài tường bao của UBND phường M nhưng vẫn nằm trong chỉ giới dự án xây dựng Trụ sở UBND phường M. Nay, trường hợp UBND thành phố H thu hồi lại diện tích 1.526m² đất ngoài tường bao của UBND phường M để thực hiện dự án khác nếu có, như lời khai của ông H là dự án Trạm y tế phường M thì diện tích đất nhà đất của ông H vẫn nằm trong diện tích 3.494m² bị thu hồi tại Quyết định 5058/QĐ-UBND ngày 10/11/2006 mà UBND thành phố H tạm giao 1.526m² đất cho Ban quản lý dự án quận H để quản lý và xây dựng đường vào.

Tại cấp phúc thẩm, ông H không bổ sung chứng cứ mới về việc Tòa án cấp phúc thẩm cần thiết phải tiến hành xem xét, thẩm định lại hoặc xem xét, thẩm định bổ sung.

Do đó, yêu cầu của ông H và các luật sư tại cấp phúc thẩm về việc xem xét, thẩm định tại chỗ đối với toàn bộ diện tích đất của ông H bị thu hồi cùng diện tích đất bị thu hồi của các anh chị em ông H đã xét xử bằng các bản án có hiệu lực pháp luật trước đó là không cần thiết và không được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 88, Điều 219 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

[1.9] Theo cung cấp của UBND phường M, hiện nay đang quản lý, sử dụng hồ sơ địa chính gồm: Bản phôi tô đóng dấu treo của UBND quận H bản đồ đo đạc năm 1996, không có sổ mục kê kèm theo. UBND phường đang có tài liệu tham khảo là bản phôi tô tập bản đồ đo đạc năm 1960 gồm 06 tờ và sổ mục kê kèm theo.

Như vậy, UBND phường không quản lý, lưu giữ, sử dụng bản gốc sổ mục kê nào để Tòa án làm cơ sở trưng cầu giám định. Do đó, yêu cầu của ông H và các luật sư về việc giám định dòng chữ “Thôn M” trong sổ mục kê có phải được viết lên sau khi có sự tẩy xóa hay không là không thể thực hiện được.

[2] Về nguồn gốc đất của gia đình ông H:

[2.1] Theo Khoản 2 Điều 22 Luật Cải cách ruộng đất năm 1953, hồ lớn là của nhà nước và của chung nhân dân, do chính quyền quản lý.

Tuy nhiên, khi tập thể cần hồ lớn để cho Hợp tác xã thả cá, thả bèo chặn nuôi lợn vẫn hỏi mượn của các gia đình. Tại *Biên bản họp liên tịch dân chính đảng* ngày 24/11/1959 (BL23, 26, 996) và xác nhận của ông Nguyễn Đình C, ông Vũ Văn Á – Chủ nhiệm HTX N2 tại *Văn bản* ngày 8/12/2008 (BL 21, 27, 997) thể hiện: Năm 1959, Hợp tác xã nông nghiệp và UBND xã Q mượn hồ của 04 gia đình trong đó có hộ gia đình ông ĐM (bố của ông S1 - chồng bà Triệu Thị M). Và để các hộ gia đình cho mượn hồ không đòi lại sau này, tập

thể đề ra biện pháp đổi đất khác cho các hộ gia đình để làm rau hoặc làm nhà ở cho con cháu. Các hộ khác đều đã được giải quyết đất làm nhà, riêng gia đình ông S1 làm nhà trên nền nhà cũ đã bị địch đốt cháy ngày 23/12/1946 âm lịch.

Như vậy, có căn cứ xác định trước năm 1960, gia đình bố mẹ ông H có một diện tích đất ao không rõ số thửa, vị trí, diện tích nhưng đã đổi cho tập thể theo hình thức mượn và tập thể giao đổi lại cho gia đình ông S1 bằng diện tích nhà đất cũ đã bị đốt cháy để làm nhà ở.

[2.2] Theo quy định tại Nghị định 70-CP ngày 09/12/1960 của Hội đồng Chính phủ, cơ quan quản lý ruộng đất có nhiệm vụ tổ chức công tác đo đạc, lập các loại bản đồ và tài liệu về ruộng đất dùng trong nông nghiệp; thống kê diện tích, phân loại ruộng đất dùng trong nông nghiệp; tiến hành việc quản lý ruộng đất.

Tại *Văn bản ngày 8/12/2008* (BL21, 27) thể hiện: Năm 1954, các xã không có bản đồ địa chính; do chưa có bản đồ nên không có số thửa đất ao hồ mượn; Năm 1960, UBND xã mới lập bản đồ địa chính, các diện tích tích hồ mượn đã được UBND xã đưa vào bản đồ mục kê xã tên “Thôn M”.

Tại Bản đồ và Sổ mục kê lập năm 1960 đang lưu giữ tại UBND phường M (không có bản chính nhưng là tài liệu do cơ quan quản lý nhà nước về đất đai lưu giữ và sử dụng trong quản lý đất đai nên có giá trị pháp lý), thửa số 385 tờ bản đồ số 4 diện tích 6.426m² tương đương 1 mẫu 7 sào 12 thước loại đất ao, chủ ruộng đất là Thôn M.

Tại *Biên bản họp liên tịch dân chính đảng* ngày 24/11/1959 có nội dung: Nếu các hộ không đồng ý, đòi lại hồ thì trả các hộ. Tuy nhiên, không có tài liệu, chứng cứ nào về việc gia đình ông S1 không đồng ý, đòi lại hồ đã cho tập thể mượn năm 1959. Cho nên trên Bản đồ và Sổ mục kê lập năm 1960 tên chủ sử dụng đất không phải là gia đình ông S1 (bố của ông H) mà là thôn M. Như vậy, từ năm 1960 đến năm 1987, diện tích đất hồ này do do tập thể sử dụng, nhà nước quản lý.

[2.3] Theo Biên bản về việc chuyển vị trí lán cũ của ông S1 ngày 04/4/1987 (BL 741), Chứng nhận ngày 04/4/1987 (BL 470), Văn bản ngày 13/6/1987 của UBND phường gửi HTX Nông Nghiệp (BL 739), để đảm bảo tiến độ thi công và di chuyển chợ tạm M vào vị trí quy định, UBND phường di chuyển lán cũ của ông S1 ở cổng chợ mới có diện tích 9m²-10.5m² tạm xếp vào gần địa điểm Tổ sản xuất Đ thuộc tổ A có diện tích 9m²-12,5m² ở cuối dãy đường đi phía Nam, sát Liên hiệp Xí nghiệp dệt đang xây dựng công trình Trung tâm điều hành ngành dệt.

Theo *Báo cáo số 01 ngày 04/01/1992 của HTX M2* (BL 392, 737) và *Biên bản làm việc ngày 09/01/2002* (BL736), HTX M2 được giao hồ gạch này từ khi thành lập; khi san lấp hồ làm Nhà máy S2 thì thừa ra ít đất thì HTX được phép xây dựng chợ M3; UBND phường M đồng ý cho ông S1 được làm lều lán

chứa xe đạp ở bờ hồ cá, đường vào Nhà máy S2 diện tích 7,5m² không có sự thỏa thuận của HTX, sau đó ông S1 trồng cây chiếm hết nền đất cao của HTX.

Theo *Báo cáo số 01 ngày 04/01/1992 của HTX M2* (392, 737), năm 1988 đoàn kiểm tra đã xác định 153m² gia đình ông S1 lấn chiếm sử dụng trái phép nên UBND quận H đã ban hành Quyết định 149/QĐ-UBND ngày 11/4/1991 thu hồi trả HTX.

Tại Quyết định 149/QĐ-UBND ngày 21/4/1991 của UBND quận H (393, 738, 810), gia đình ông Nguyễn Đình S1 bị thu hồi 153m² đất đang sử dụng trái phép, phải tự dỡ bỏ và di chuyển các công trình lán trại, nhà xưởng ra khỏi mặt bằng tại tổ C phường M đi nơi khác để giao lại đất cho HTX M2 tiếp tục quản lý sản xuất nông nghiệp.

Như vậy, đến năm 1991, diện tích hồ ao này đã được nhà nước giao cho Nhà máy S2 và HTX M2 quản lý, sử dụng nhưng UBND phường M đồng ý cho ông S1 được làm lều lán chứa xe đạp diện tích 7,5m² nhưng sau đó gia đình ông S1 đã lấn chiếm là 153m².

[2.4] Theo *Biên bản kiểm tra xây dựng* ngày 29/6/1992 (566), gia đình ông S1 bà M xây dựng nhà 27m² trên diện tích đất bị thu hồi theo Quyết định 149/QĐ-UBND ngày 21/4/1991 của UBND quận H.

Tại Quyết định 950/QĐ-UB ngày 23/5/1994 của UBND thành phố H đã thu hồi 4.650m² đất do HTX M2 đang canh tác giao cho Báo P để sử dụng vào mục đích xây dựng nhà ở cho CBCNV, trong đó có 2.150m² để làm đường sử dụng chung của khu vực, tuyệt đối không được xây dựng gì (BL 626).

Theo Tờ khai nộp thuế đất ngày 20/1/1996 (BL 17, 553) và Biên lai thu thuế nhà đất số 1443 ngày 24/01/1996, bà M nộp thuế sử dụng 380m² đất từ năm 1992.

Theo *Giấy mời* ngày 10/6/1994 của Thanh tra xây dựng nhà đất quận H mời bà M đến nộp phạt xây dựng nhà không phép trên diện tích 440m² đất (BL 465)

Tại các Biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất lập ngày 01/10/1996 (BL 1-6, 578-, 728-732, 841), thửa đất gia đình bà M, ông S1 sử dụng tại tổ A phường H (nay là phường M) là các thửa từ 5-10 tờ bản đồ 5I-II-43Q1 đã được chia thành 06 thửa cho bà M và 05 người con có tổng diện tích 376,8m², trong đó thửa của bà M (ông H) là Thửa 05 diện tích 72,4m².

Tại *Biên bản làm việc* ngày 09/1/2002 của UBND quận (BL736), bà M xác định Quyết định 149/QĐ-UBND ngày 21/4/1991 của UBND quận H của gia đình bà nhưng nay gia đình sử dụng 376,8m² là do gia đình tự ý san lấp hồ do gia đình vẫn quan niệm hồ này của gia đình.

Tại *Hồ sơ kỹ thuật thửa đất* ngày 10/01/2007 để phục vụ công tác giải phóng mặt bằng, có chữ ký của bà M và xác nhận của UBND phường, Ban

quản lý dự án, thể hiện tổng diện tích bà M cùng các con đang sử dụng là 440,5m².

Như vậy, diện tích 440,5m² gia đình bà M đang sử dụng trong đó có diện tích từ 7,5m²-12,5m² lấn lều ông S1 được sử dụng tạm từ năm 1987 nhưng đã bị thu hồi trong diện tích 153m² do sử dụng trái phép theo Quyết định 149/QĐ-UBND ngày 21/4/1991 của UBND quận H để trả lại HTX M2, là 1 phần của thửa đất hồ do HTX M2 được giao quản lý, sử dụng; không còn là hồ của gia đình ông S1 từ năm 1960.

Do đó, tại Xác nhận ngày 20/3/2008 của UBND phường M về loại đất, nguồn gốc và tài sản gắn liền với đất nằm trong chỉ giới thu hồi đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án đầu tư xây dựng trụ sở UBND phường M (BL 715-721) có xác nhận của HTX M2, Công an phường, Mặt trận tổ quốc phường, UBND phường... xác định chủ sử dụng đất là HTX M2 là chủ sử dụng đất, bà M và các con trong đó có ông H là người có tài sản trên đất là đúng.

[2.5] Theo quy định tại Điều 2 Pháp lệnh thuê nhà đất ngày 01/7/1991 của Hội đồng nhà nước được hướng dẫn bởi Khoản 2 Mục I Thông tư 53-TC/TCT năm 1991, Khoản 2 Mục I Thông tư 50 TC/TCT năm 1992, trong trường hợp còn có sự tranh chấp hoặc chưa xác định được quyền sử dụng đất, kể cả trường hợp lấn chiếm trái phép (bao gồm cả phần diện tích đất lấn chiếm thêm ngoài khuôn viên của tổ chức, cá nhân quản lý cho thuê đã nộp thuế đất), thì tổ chức cá nhân đang trực tiếp sử dụng đất phải nộp thuế đất. Việc nộp thuế đất trong trường hợp này không có nghĩa là thừa nhận tính hợp pháp về quyền sử dụng đất.

Do đó, việc gia đình bà M đóng thuế đất từ năm 1992 đối với diện tích 380m² đất lấn chiếm không phải là giấy tờ chứng minh bà M có quyền sử dụng đất này.

[3] Xét Quyết định 5058/QĐ-UBND ngày 10/11/2006 của UBND thành phố H về việc thu hồi 3.494m² đất tại phường M, giao Ban quản lý dự án quận H để xây dựng Trụ sở UBND phường M:

[3.1] Quyết định 5058/QĐ-UBND thu hồi đất để xây dựng Trụ sở UBND phường M thuộc trường hợp nhà nước thu hồi đất vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng quy định tại Khoản 1 Điều 38 Luật đất đai năm 2003.

Quyết định 5058/QĐ-UBND do UBND thành phố H ban hành để thu hồi 3.494m² đất nông nghiệp “Khoán 10” do UBND phường quản lý, một số hộ dân sử dụng xây dựng nhà cấp 4 làm cửa hàng, dịch vụ, nhà ở giao Ban quản lý dự án quận H xây dựng Trụ sở UBND phường M theo Dự án đầu tư được UBND quận H phê duyệt tại Quyết định 1582/QĐ-UBND ngày 07/10/2005 là đúng thẩm quyền, căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 38, Khoản 1 Điều 44 Luật

Đất đai năm 2003, được hướng dẫn bởi Điều 130 Nghị định 181/2004/NĐ-CP và Điều 130 Nghị định 181/2004/NĐ-CP được sửa đổi bởi Khoản 11 Điều 2 Nghị định 17/2006/NĐ-CP.

[3.2] Tại Khoản 2 Điều 1 Quyết định 5058/QĐ-UBND, trong tổng số 3.494m² đất có 1.968m² để xây dựng công trình; 1.526m² tạm giao để quản lý và xây dựng đường vào, tuyệt đối không được xây dựng công trình (kể cả tường rào); khi thành phố thu hồi phải bàn giao lại.

Do đó, ý kiến của người khởi kiện cho rằng diện tích đất gia đình bị thu hồi nằm ngoài tường rào của trụ sở UBND phường M và nay diện tích này thuộc dự án Trạm y tế phường M là không nằm trong diện tích bị thu hồi theo Quyết định 5058/QĐ-UBND là không có căn cứ.

[3.3] Theo Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 05/4/1988 của Bộ “Về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp” (Nông dân gọi là “Khoán 10”), quy định việc khoán ruộng (đất trồng trọt) tới các hộ dân.

Toàn bộ diện tích đất gia đình ông H bị thu hồi thuộc diện tích ao hồ do Nhà nước quản lý và giao cho HTX M2 sử dụng bằng khoán 10 tới các hộ sản xuất. Do đó, Quyết định 5058/QĐ-UBND do UBND thành phố H ban hành để thu hồi 3.494m² đất nông nghiệp “Khoán 10” do UBND phường quản lý, một số hộ dân sử dụng xây dựng nhà cấp 4 làm cửa hàng, dịch vụ, nhà ở là đúng.

[3.4] Theo quy định tại Khoản 5, 6 Điều 130 Nghị định 181/2004/NĐ-CP được sửa đổi bởi Khoản 11 Điều 2 Nghị định 17/2006/NĐ-CP, quyết định thu hồi đất phải bao gồm nội dung thu hồi diện tích đất cụ thể đối với từng thửa đất do tổ chức sử dụng và nội dung thu hồi đất chung cho tất cả các thửa đất do hộ gia đình, cá nhân sử dụng; trường hợp trên khu đất thu hồi có diện tích đất do hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng thì trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định về thu hồi đất của UBND cấp tỉnh, UBND cấp huyện có trách nhiệm quyết định thu hồi diện tích đất cụ thể đối với từng thửa đất do hộ gia đình, cá nhân sử dụng.

Như vậy, Điều 2 Quyết định 5058/QĐ-UBND ngày 10/11/2006 của UBND thành phố H giao UBND quận H căn cứ vào Điều 1 để quyết định thu hồi đất cụ thể đối với từng hộ gia đình, cá nhân là đúng.

Nhưng chủ sử dụng khu đất này là HTX M2 và UBND phường M; còn gia đình ông H có tài sản trên đất là do lấn chiếm nên UBND quận H không ban hành quyết định thu hồi đất đối với hộ gia đình bà M hay ông H là đúng quy định tại Khoản 2 Điều 44 Luật Đất đai năm 2003, Điều 31 Nghị định 181/2004/NĐ-CP.

[3.5] UBND quận H và các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đã ban hành Quyết định 3245/QĐ-UBND và Quyết định 3247/QĐ-UBND ngày 24/11/2006 về việc thành lập HĐBT và Tổ công tác; lập Biên bản phiên họp 13/12/2006 công khai văn bản pháp lý của Dự án; Hồ sơ kỹ thuật thửa đất ngày 10/01/2007

đối với 440,5m² đất của hộ bà Triệu Thị M (BL 287, 945), Biên bản kiểm tra tình hình sử dụng đất và hiện trạng tài sản trên đất nằm trong phạm vi cần di chuyển GPMB để thực hiện Dự án lập ngày 25/01/2007 đối với 113,4m² của chủ sử dụng đất là Hợp tác xã M2 trên có tài sản của gia đình ông H (BL 283, 949), tiến hành lấy Phiếu ý kiến khu dân cư ngày 3/11/2007 đối với 113,4m² của chủ sử dụng đất là Hợp tác xã M2 trên có tài sản của gia đình ông H (BL 286, 387, 722-727, 944), Xác nhận 20/3/2008 của UBND phường về nhân hộ khẩu (BL 289, 947), Xác nhận 20/3/2008 của UBND phường về nguồn gốc đất (BL 715-721, 9436), Biên bản xác minh về nhân hộ khẩu ngày 20/3/2008 (283, 946)... để thực hiện Quyết định 5058/QĐ-UBND ngày 10/11/2006 của UBND thành phố H về việc thu hồi đất là đúng.

[3.6] Các quyết định của Chủ tịch và UBND quận H, Chủ tịch UBND thành phố H ban hành sau đó như: Quyết định 1259/QĐ-UBND ngày 5/11/2008 của UBND quận H tạm phê duyệt phương án bồi thường cho 20 hộ và 2 TC có phương án tổng hợp kèm theo, Quyết định 9143/QĐ-UBND ngày 8/9/2011 của UBND quận H giải quyết khiếu nại lần đầu, Quyết định 3009/QĐ-UBND ngày 8/5/2013 của Chủ tịch U giải quyết khiếu nại lần hai, Quyết định 9088/QĐ-UBND ngày 27/12/2013 của UBND quận H phê duyệt phương án bổ trợ và tái định cư bổ sung kèm Phương án bổ sung ngày 24/12/2013, Quyết định 5149/QĐ-UBND ngày 24/6/2015 của UBND quận H phê duyệt kết quả bắt thăm căn hộ tái định cư đối với hộ gia đình ông Nguyễn Đình H, Quyết định 6507/QĐ-CTUBND ngày 7/8/2015 của Chủ tịch UBND quận H cưỡng chế thu hồi đất, ... đều được căn cứ vào Quyết định 5058/QĐ-UBND ngày 10/11/2006 của UBND thành phố H về việc thu hồi đất nên xác định gia đình ông H bị thu hồi đất đang sử dụng để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Trụ sở UBND phường M theo Quyết định 5058/QĐ-UBND ngày 10/11/2006 của UBND thành phố H là đúng.

[4] Xét Quyết định 1259/QĐ-UBND ngày 5/11/2008 của UBND quận H tạm phê duyệt phương án bồi thường cho 20 hộ và 02 tổ chức có phương án tổng hợp kèm theo, trong đó có hộ ông H và Quyết định 4133/QĐ-UBND ngày 12/8/2013 của UBND quận H đính chính trích yếu và bổ sung một số nội dung của Quyết định 1259/QĐ-UBND (BL 290, 891, 912):

[4.1] Xác nhận ngày 20/3/2008 của UBND phường M (BL 718) về chủ sử dụng đất là HTX M2, chủ sử dụng tài sản trên đất là ông H; tổng diện tích đang sử dụng là 113,94m² đất nông nghiệp tự chuyển đổi mục đích sử dụng, xây dựng công trình không phép, đã có quyết định thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai năm 1991 nhưng chưa được thực hiện, bị thu hồi toàn bộ, trong đó 72,3m² thuộc thửa 05 (tờ bản đồ 5I-II-43 lập năm 1996, sổ mục kê không ghi loại đất, chủ sử dụng bà Triệu Thị M) lấn chiếm của HTX M2; 39,1m² thuộc 1 phần thửa 54 (tờ bản đồ 5I-II-43 lập năm 1996, sổ quản lý đất nông nghiệp ghi chủ sử dụng là HTX M2) do lấn chiếm đất của HTX M2 và 2,54m² thuộc 1 phần thửa 1F11 (thửa số 14 tờ bản đồ 5I-II-43 lập năm 1996) do lấn chiếm

đường đi của UBND phường là đúng và phù hợp với Phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 3/11/2007 (BL571).

[4.2] Toàn bộ diện tích 113,94m² đất trên có tài sản của ông H bị thu hồi là đất lấn chiếm nên không được bồi thường, hỗ trợ về đất là đúng quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều 43 Luật Đất đai năm 2003, Điều 8 Nghị định 197/2004/NĐ-CP, Khoản 2 Phần 2 Thông tư 116/2004/TT-BTC, Khoản 4 Điều 47 và Điểm b Khoản 2 Điều 67 Nghị định 84/2007/NĐ-CP, Điều 9 Quyết định 18/2008/QĐ-UBND ngày 29/9/2008 của UBND thành phố H.

[4.3] Theo Xác nhận ngày 20/3/2008 của UBND phường M (BL 718), trên đất có 01 ngôi nhà cấp 4 diện tích 5,2mx4,3m xây dựng năm 1998; 02 ngôi nhà còn lại và các công trình khác xây dựng năm 2003.

Toàn bộ công trình xây dựng của ông H được bồi thường hỗ trợ 52.900.157m², cây trồng trên đất được bồi thường hỗ trợ 165.000đ là đúng quy định của Khoản 2 Điều 18 Nghị định 197/2004/NĐ-CP, Quyết định 40/2008/QĐ-UBND ngày 22/10/2008 của UBND thành phố H, Thông báo 936/TB-STC-QLCS ngày 02/10/2008 của Sở T6.

[4.4] Quyết định 1259/QĐ-UBND ngày 5/11/2008 của UBND quận H tạm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ gia đình ông H là không đúng. Tuy nhiên, UBND quận H đã ban hành Quyết định 4133/QĐ-UBND ngày 12/8/2013 đính chính trích yếu và bổ sung một số nội dung Quyết định 1259/QĐ-UBND và Quyết định 9088/QĐ-UBND ngày 27/12/2013 phê duyệt phương án hỗ trợ và tái định cư bổ sung là đúng.

[4.5] Ông Nguyễn Đình H không có quyền yêu cầu hủy toàn bộ Quyết định 1259/QĐ-UBND ngày 05/11/2008 của UBND quận H bởi quyết định này không chỉ tạm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ ông Nguyễn Đình H mà còn phê duyệt cho 19 hộ gia đình và 02 tổ chức khác.

[5] Xét Quyết định 9143/QĐ-UBND ngày 8/9/2011 của UBND quận H giải quyết khiếu nại lần đầu:

[5.1] Thể thức của Quyết định 9143/QĐ-UBND ngày 8/9/2011 không do Chủ tịch UBND quận H ban hành mà do UBND quận H ban hành để giải quyết khiếu nại lần đầu đối với phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của UBND quận H khi thu hồi đất trên có tài sản của gia đình ông H là không đúng thẩm quyền quy định tại Khoản 1 Điều 20 Luật khiếu nại, tố cáo năm 1998, Điều 12 Nghị định 136/2006/NĐ-CP.

[5.2] Quyết định 9143/QĐ-UBND ngày 8/9/2011 đã xác định việc ông H sử dụng đất có nguồn gốc bố mẹ cho là đất lấn đất nông nghiệp thuộc quyền quản lý, sử dụng của HTX M và đất công do UBND phường M quản lý mà UBND quận H đã kiểm tra, xác định phải thu hồi nhưng chưa thực hiện, gia đình tiếp tục lấn thêm là đúng.

Quyết định 9143/QĐ-UBND ngày 8/9/2011 xác định diện tích 440,5m² bố mẹ ông H sử dụng có tranh chấp với HTX M2, trong đó ông H sử dụng 113,94m² không nằm trong phần diện tích đất sử dụng trái phép phải thu hồi theo Quyết định 149/QĐ-UB ngày 11/4/1991 của UBND quận H là đúng.

Quyết định 9143/QĐ-UBND xác định trong 113,94m² ông H sử dụng có 72,3m² lấn chiếm trong giai đoạn từ năm 1992 đến năm 1996 thuộc thửa 11 tờ bản đồ 5I-II-43 đo đạc năm 1996 và 39,1m² lấn chiếm sau năm 2003 đều là đất nông nghiệp thuộc quyền quản lý của HTX M2 và 2,54m² lấn đất công sau năm 1996 là đúng.

[5.3] Quyết định 9143/QĐ-UBND quyết định giao UBND quận sửa đổi phương án bán cho hộ ông H 1 căn hộ chung cư và hỗ trợ công tôn tạo đất là đúng nhưng không xác định rõ hỗ trợ đối với diện tích đất nào là chưa đầy đủ.

Quyết định 9143/QĐ-UBND không giải quyết cho hộ gia đình ông H được hỗ trợ về đất đối với các diện tích lấn trước ngày 15/10/1993 là không đúng.

[6] Quyết định 3009/QĐ-UBND ngày 8/5/2013 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội giải quyết khiếu nại lần hai là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Luật khiếu nại 2011 và Nghị định 75/2012/NĐ-CP ngày 13/10/2012.

Quyết định 3009/QĐ-UBND đã giao cho UBND quận H điều chỉnh phương án bồi thường cho hộ ông H được hỗ trợ 30% giá đất ở cùng vị trí tại thời điểm phê duyệt đối với diện tích 72,3m² lấn từ năm 1992 đến năm 1996; 20% giá đất ở cùng vị trí tại thời điểm phê duyệt đối với 39,1m² đất lấn sau năm 2003; hỗ trợ công tôn tạo 35.000đ/m² đối với diện tích 2,54m² là đúng quy định tại Văn bản 1598/UBND-TNMT ngày 04/3/2013; Tờ trình 87/TTr-BCĐ ngày 28/01/2013 của Ban chỉ đạo GPMB Thành phố; Khoản 5 Điều 39 Quyết định 18/2008/QĐ-UBND của UBND thành phố H; Khoản 3 Điều 5 Nghị định 197/2004/NĐ-CP.

[7] Quyết định 9088/QĐ-UBND ngày 27/12/2013 của UBND quận H phê duyệt phương án hỗ trợ và tái định cư bổ sung và (BL 19, 56, 268, 903, 932):

Hộ gia đình Nguyễn Đình H có 3 nhân khẩu đang sử dụng 113,94m² bị thu hồi toàn bộ; trong đó 72,3m² sử dụng đất của HTX N3 được hỗ trợ 30% đơn giá đất ở (8.450.000đ) = 183.280.500đ; 39,1m² sử dụng đất của HTX M2 sau năm 2003 đến trước ngày 01/7/2004 được hỗ trợ 20% đơn giá đất ở = 66.079.000đ; 2,54m² lấn chiếm đất công (đường đi) sau 1996 được hỗ trợ công tôn tạo 35.000đ/m² = 88.900đ; được bán 1 căn hộ tái định cư là thực hiện đúng Quyết định 3009/QĐ-UBND ngày 08/5/2013 của Chủ tịch UBND thành phố H về việc giải quyết khiếu nại lần 2; đúng Văn bản 1598/UBND-TNMT ngày

04/3/2013; Tờ trình 87/TTr-BCĐ ngày 28/01/2013 của Ban chỉ đạo GPMB Thành phố.

[8] Quyết định 5149/QĐ-UBND ngày 24/6/2015 của UBND quận H phê duyệt kết quả bắt thăm căn hộ tái định cư đối với hộ gia đình ông Nguyễn Đình H (BL 155, 269, 929) tại căn 904 nhà A1 khu S, phường M diện tích 70,93m² và **Quyết định 4177/QĐ-UBND ngày 21/8/2015 của UBND thành phố H** bán 05 căn hộ (có tên các hộ gia đình trong đó có ông H) là đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 59 Quyết định 18/2008/QĐ-UBND của UBND thành phố H.

[9] Quyết định 6507/QĐ-CTUBND ngày 7/8/2015 của Chủ tịch UBND quận H cưỡng chế thu hồi đất (BL 29, 270, 811)

[9.1] Theo quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều 69 Luật đất đai năm 2013, trường hợp người có đất thu hồi đã được vận động, thuyết phục nhưng không chấp hành việc bàn giao đất cho tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thì Chủ tịch UBND cấp huyện ban hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất và tổ chức thực hiện việc cưỡng chế.

Gia đình ông H bị thu hồi đất theo Quyết định 5058/QĐ-UBND ngày 10/11/2006 của UBND thành phố H và đã được vận động, thuyết phục thể hiện tại các Biên bản vận động, thuyết phục ngày 30/6/2015 (941), ngày 06/7/2015 (938), ngày 28/7/2015 (935), ngày 12/8/2015 (886) nhưng không chấp hành việc bàn giao đất để giải phóng mặt bằng nên Chủ tịch UBND quận H ban hành Quyết định 6507/QĐ-CTUBND ngày 7/8/2015 về việc cưỡng chế thu hồi đất là đúng quy định tại Khoản 3 Điều 39 Luật đất đai 2003, Điều 32 Nghị định 69/2009/NĐ-CP, Điều 72 Quyết định 18/2008/QĐ-UBND của UBND thành phố H.

[9.2] Chủ tịch UBND quận H ban hành Quyết định 6507/QĐ-CTUBND ngày 7/8/2015 về việc cưỡng chế thu hồi đất và tổ chức cưỡng chế là đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 71 Luật Đất đai năm 2013, Điều 17 Nghị định 43/2014/NĐ-CP.

[10] Xét Quyết định 7831/QĐ-CTUBND ngày 15/10/2015 của Chủ tịch UBND quận H (BL 37, 271, 918)

Theo Quyết định 6507/QĐ-CTUBND ngày 7/8/2015 của Chủ tịch UBND quận H về việc cưỡng chế thu hồi đất, thời gian thực hiện cưỡng chế từ ngày 15/8/2015 đến hết ngày 30/8/2015.

Ngày 14/8/2015, ông H đã ký Biên bản bàn giao mặt bằng vào ngày 17/8/2015 (BL 639, 905) nên UBND phường M đã ban hành Thông báo 126/TB-UBND ngày 15/8/2015 (BL 824) và UBND quận H ban hành Thông báo 866/TB-UBND ngày 17/8/2015 (823) để tạm hoãn tổ chức thực hiện thi hành quyết định cưỡng chế. Tuy nhiên, gia đình ông H đã không bàn giao mặt bằng như đã cam kết nên UBND phường M đã phải ra Thông báo 132/TB-

UBND ngày 27/8/2015 về việc bàn giao mặt bằng (BL 822) và Chủ tịch UBND quận H ban hành Quyết định 7831/QĐ-CTUBND ngày 15/10/2015 để bổ sung (điều chỉnh) thời gian thực hiện cưỡng chế từ ngày 15/8/2015 đến hết ngày 30/12/2015 là đúng.

[11] Theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 70, Khoản 1 Điều 71 Luật đất đai năm 2013, thời điểm bắt đầu tiến hành cưỡng chế được thực hiện trong giờ hành chính. Như vậy, theo quy định trên thì thời điểm bắt đầu tiến hành cưỡng chế được thực hiện trong giờ hành chính, còn thời điểm kết thúc việc cưỡng chế thì tùy theo tính chất vụ việc mà có thể hoàn thành trong giờ hành chính hoặc ngoài giờ hành chính.

Tại Kế hoạch chi tiết số 93/KH-UBND ngày 12/11/2015 của UBND phường M có nội dung đúng 8 giờ ngày 18/11/2015 bắt đầu triển khai thực hiện cưỡng chế theo kế hoạch cho đến khi hoàn thành nhiệm vụ. Theo Biên bản tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất ngày 18/11/2015 (BL 896) thì thời điểm bắt đầu tiến hành cưỡng chế là vào hồi 8 giờ ngày 18/11/2015 và kết thúc cùng ngày nhưng không có thời điểm kết thúc việc cưỡng chế.

Do đó, ông H và các luật sư cho rằng việc cưỡng chế không đúng do thực hiện ngoài giờ hành chính là không có căn cứ.

[12] Từ những phân tích tích nhận định nêu trên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Đình H, bà Triệu Thị M. Bản án sơ thẩm xử bác đơn khởi kiện của ông Nguyễn Đình H là đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm xác định tư cách đương sự của UBND quận H không đúng; hành vi hành chính bị kiện chưa chính xác (tại phiên tòa ông H cũng đã sửa lại yêu cầu khởi kiện cho đúng quy định của pháp luật); không tuyên cụ thể bác yêu cầu khởi kiện nào mà tuyên chung chung là bác các yêu cầu khác của ông H là không đúng; nên Hội đồng xét xử sửa lại các phần này cho đúng. Do sửa án sơ thẩm nên ông Nguyễn Đình H, bà Triệu Thị M không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính 2015; Điều 104 của Luật tổ tụng hành chính năm 2010; Luật đất đai các năm 2003, năm 2013; Luật khiếu nại tố cáo năm 1998; Luật khiếu nại năm 2011; Nghị định 43/2014/NĐ-CP; Điều 2 Nghị quyết 104/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

[1] Sửa 1 phần Bản án sơ thẩm số 01/2023/HC-ST ngày 18/5/2023 của Tòa án nhân dân quận H về tư cách tham gia tố tụng của đương sự; về hành vi hành chính bị kiện; về cách tuyên án.

[2] Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình H đối với các quyết định hành chính, hành vi hành chính, quyết định giải quyết khiếu nại và yêu cầu sau đây:

[2.1] Hành vi hành chính của UBND quận H trong việc thu hồi đất nhưng không ban hành quyết định thu hồi đất đối với gia đình ông Nguyễn Đình H.

[2.2] Quyết định 1259/QĐ-UBND ngày 05/11/2008 của UBND quận H về việc tạm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với 20 hộ gia đình và 02 tổ chức để GPMB dự án đầu tư xây dựng trụ sở UBND phường M.

[2.3] Quyết định 4133/QĐ-UBND ngày 12/8/2013 của UBND quận H đình chính trích yếu và bổ sung một số nội dung của Quyết định 1259/QĐ-UBND.

[2.4] Quyết định 9088/QĐ-UBND ngày 27/12/2013 của UBND quận H về việc phê duyệt phương án hỗ trợ và tái định cư bổ sung kèm Phương án bổ sung ngày 24/12/2013;

[2.5] Quyết định 6507/QĐ-CTUBND ngày 7/8/2015 của Chủ tịch UBND quận H về việc cưỡng chế thu hồi đất.

[2.6] Quyết định 7831/QĐ-CTUBND ngày 15/10/2015 của Chủ tịch UBND quận H về việc bổ sung tại Điều 1 Quyết định 6507/QĐ-CTUBND ngày 7/8/2015 của Chủ tịch UBND quận H về việc cưỡng chế thu hồi đất.

[2.7] Hành vi hành chính của Chủ tịch UBND quận H về việc tổ chức cưỡng chế thu hồi đất ngày 18/11/2015 khi chưa có quyết định thu hồi đất đối với gia đình ông Nguyễn Đình H.

[2.8] Yêu cầu Chủ tịch UBND quận H khôi phục quyền lợi hợp pháp của gia đình ông Nguyễn Đình H trước khi thực hiện cưỡng chế.

[2.9] Kiến nghị Chủ tịch UBND thành phố H xem xét trách nhiệm của Chủ tịch UBND quận H.

[3] Ông Nguyễn Đình H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hành chính sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai số 0008830 ngày 24/11/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự quận H.

Ông Nguyễn Đình H không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Trả lại ông Nguyễn Đình H 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Biên lai số 0000039 ngày 31/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận H.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKS NDTP Hà Nội
- Chi cục THA DS quận H
- Tòa án ND quận H.
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ
- Lưu trữ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Hoàng Phúc

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM